TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2019/QĐ-PT	*Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông ĐBV;

Các Thẩm phán: Ông TDN;

Ông ĐVH.

Thư ký phiên họp: Ông ĐNC, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên họp: Bà VTT, Kiểm sát viên cao cấp.

NHẬN THẤY:

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2019/QĐST-KDTM ngày 11/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hbn đã căn cứ các Điều 48; 217; 218; 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, quyết định:

Đình chỉ giải quyết vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 01/2018/TLST-KDTM ngày 10/12/2018 về việc: Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần giữa doanh nghiệp tư nhân Mto và bà Lê Thị T lập ngày 10/12/2013 có nội dung chuyển nhượng 357.000 cổ phần, giá trị 3.750.000.000 đồng vô hiệu; Yêu cầu xác định số cổ phần cho từng người đã đóng góp vào Công ty cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ Mto HB tại thời điểm ông Nguyễn Minh Song chết (19/9/2014). Vụ án có các đương sự:

**** Nguyên đơn***: Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số 4, tổ 3 khu X, thị trấn Xmi, huyện C, thành phố H*.

**** Bị đơn***: Bà Lê Thị T, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Xóm V, xã T2, huyện Lty, tỉnh Hbn.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:**

- Công ty cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ Mto HB; địa chỉ: Xóm V, xã T2, huyện Lty, tỉnh Hbn; người đại diện: Ông Nguyễn Minh S - Giám đốc.

- Bà Nguyễn Thị Y; địa chỉ: Thôn Hvu, xã Hqg, huyện U, thành phố H*.

- Bà Vũ Thị L; địa chỉ: Thôn Cbn, xã Ctg, huyện L1, tỉnh Hbn.

Ngày 15/3/2019, bị đơn (bà Lê Thị T) có đơn kháng cáo quyết định đình chỉ nêu trên với nội dung đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY:

Ngày 03/01/2017, ông Phạm Văn T1 có đơn khởi kiện đối với bị đơn là bà Lê Thị T, sinh năm 1961; Địa chỉ: Xóm V, xã T2, huyện Lty, tỉnh Hbn, yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần giữa doanh nghiệp tư nhân Mto và bà Lê Thị T lập ngày 10/12/2013 có nội dung chuyển nhượng 357.000 cổ phần, giá trị 3.750.000.000 đồng là vô hiệu.

Sau khi Tòa án nhân dân tỉnh Hbn thụ lý vụ án, ngày 26/3/2017, bị đơn là bà Lê Thị T có đơn yêu cầu phản tố, đề nghị Tòa án xác định số cổ phần đóng góp của từng cổ đông ở doanh nghiệp Mto tại thời điểm ông Nguyễn Minh S1 chết (19/9/2014). Bà Lê Thị T đã nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu phản tố và Tòa án nhân dân tỉnh Hbn đã chấp nhận thủ tục yêu cầu phản tố của bà Lê Thị T.

Ngày 26/02/2019, nguyên đơn là ông Phạm Văn T1 có đơn xin rút đơn khởi kiện.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định:

"*2. Trường hợp nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện hoặc đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, không đề nghị xét xử vắng mặt và trong vụ án đó có bị đơn yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập thì giải quyết như sau:*

a) Bị đơn rút toàn bộ yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan rút toàn bộ yêu cầu độc lập thì Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án;

b) Bị đơn không rút hoặc chỉ rút một phần yêu cầu phản tố thì Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; bị đơn trở thành nguyên đơn, nguyên đơn trở thành bị đơn…"

Như vậy, chỉ có việc ông Phạm Văn T1 rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Tòa án nhân dân tỉnh Hbn đã quyết định đình chỉ giải quyết toàn bộ vụ án, trong đó đình chỉ cả yêu cầu phản tố của bị đơn (bà Lê Thị T) là không đúng và làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của bà T. Bởi vậy, có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị T.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm c khoản 5 Điều 314 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị T; hủy một phần Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 01/2019/QĐST-KDTM ngày 11/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hbn đối với quyết định trả lại đơn yêu cầu phản tố và trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp của bà Lê Thị T.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Hbn tiếp tục giải quyết vụ án đối với yêu cầu phản tố của bà Lê Thị T.

Số tiền nộp tạm ứng án phí sơ thẩm 3.000.000 (Ba triệu) đồng tại Biên lai số 05137 ngày 13/4/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hbn được xác định lại sau khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

3. Bà Lê Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại cho bà T số tiền 2.000.000 đồng mà bà T đã nộp tạm án phí phúc thẩm tại Biên lai thu tiền số 0000507 ngày 21/3/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hbn.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *TAND tỉnh Hbn;*
- *Cục thi hành án dân sự tỉnh Hbn;*
- *Các đương sự (theo địa chỉ);*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT QUYẾT ĐỊNH
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

ĐBV